

# Về sáu nội dung thường xuất hiện trong phát biểu của lãnh đạo Trung Quốc về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc<sup>1</sup>

Nguyễn Ngọc Anh\*

*Trung tâm Ngôn ngữ & Quốc tế học, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,  
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 22 tháng 03 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 29 tháng 08 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 01 tháng 09 năm 2016

**Tóm tắt:** Bằng phương pháp thống kê từ những phát biểu của lãnh đạo Trung Quốc về quan hệ Việt Nam – Trung Quốc được đăng trên phương tiện truyền thông chính thống của Trung Quốc là Nhân Dân Nhật báo (từ năm 2005 đến năm 2014) [1], nghiên cứu đã tìm ra 6 nội dung thường xuất hiện trong các phát biểu này. Từ góc độ thực tiễn lịch sử và lý thuyết quan hệ quốc tế, nghiên cứu đã phân tích và đưa ra những nhận định bước đầu về 6 nội dung này.

*Từ khóa:* Việt Nam, Trung Quốc, quan hệ, Nhân Dân Nhật báo.

## 1. Đặt vấn đề

Quan hệ Việt Nam và Trung Quốc theo sử sách [2] ghi chép được bắt đầu từ thế kỉ 11 trước Công Nguyên, thời Vua Hùng Vương của Việt Nam (Chu Thành Vương của Trung Quốc), đến nay đã có bề dày lịch sử hơn 3000 năm. Trong hơn 3000 năm, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc đã trải qua rất nhiều thăng trầm. Sau khi quan hệ Việt Nam và Trung Quốc được bình thường hóa vào năm 1991, các lãnh đạo Trung Quốc thường tuyên bố hết sức coi trọng quan hệ với Việt Nam, mong muốn được tăng cường quan hệ với Việt Nam. Trong các phát biểu về quan hệ Việt Nam – Trung Quốc, họ thường đề cập đến 6 nội dung là vị trí địa lý, văn hóa, truyền thống hữu nghị, thể chế chính trị, trao đổi thương mại và giải quyết tranh chấp

lãnh thổ. 6 nội dung này đều là những nội dung chính yếu trong quan hệ quốc tế, vì vậy, cần được nghiên cứu và lý giải từ cả góc độ thực tiễn lịch sử và lý thuyết quan hệ quốc tế. Vấn đề sẽ bước đầu được lý giải trong nghiên cứu này.

## 2. Cơ sở dữ liệu chính của bài viết

### 2.1. Sơ lược về Nhân Dân Nhật báo

Nhân Dân Nhật báo (人民日报) là cơ quan ngôn luận chính thống của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nhân Dân Nhật báo có nhiệm vụ trọng tâm là tuyên truyền lý luận, đường lối, phương châm, chính sách và những quyết sách quan trọng của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nhân Dân Nhật báo là tờ báo lớn nhất Trung Quốc, được xuất bản trên toàn thế giới với số lượng từ 3 đến 4 triệu bản, “năm 1992 được UNESCO bầu chọn là một trong 10 tờ báo lớn

\* ĐT: 84-912093346

Email: ngocanh2us@yahoo.com

<sup>1</sup> Bài viết được thực hiện trong khuôn đề tài mã số QG.14.64

nhất thế giới.”<sup>2</sup> Nhân Dân Nhật báo phát hành dưới hai hình thức là báo giấy phiên bản tiếng Trung và báo điện tử phiên bản tiếng Trung, Anh, Pháp, Nhật... Các nghiên cứu về Trung Quốc dựa trên Nhân Dân Nhật báo đều có độ tin cậy rất cao.

Nghiên cứu này lựa chọn các số báo từ năm 2005-2014. Mặc dù năm 2004, Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, nhưng cụm từ “đối tác thương mại lớn nhất” vào năm 2005 mới xuất hiện trên Nhân Dân Nhật báo. Do được thực hiện trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu dựa trên Nhân Dân Nhật báo giai đoạn 1993-2014, nên bài viết chỉ chọn các số báo từ 2014 trở về trước.

## 2.2. Bảng tổng hợp sáu nội dung trong các phát biểu

Dưới đây là bảng tổng hợp số lần xuất hiện của 6 nội dung trong các phát biểu của lãnh đạo Trung Quốc về quan hệ Việt Nam – Trung Quốc được đăng trên bản giấy của Nhân Dân Nhật báo từ 2005 đến 2014:

STT	Nội dung	Tần suất
1	Tình hữu nghị truyền thống	105
2	Núi sông liền một dải	46
3	Thể chế chính trị tương đồng	35
4	Văn hóa gần gũi	32
5	Đối tác thương mại lớn nhất	15
6	Giải quyết thỏa đáng tranh chấp lãnh thổ, phù hợp lợi ích mỗi nước	15

## 3. Sáu nội dung dưới góc nhìn thực tiễn lịch sử và lý thuyết quan hệ quốc tế

Theo tần suất trong bảng tổng hợp trên, *tình hữu nghị truyền thống* xuất hiện nhiều nhất, điều đó cho thấy lãnh đạo Trung Quốc muốn nhấn mạnh yếu tố tình cảm, yếu tố thường được xem là không cố định, trong quan hệ với Việt Nam. *Vị trí địa lý*, dù rất quan trọng và ít biến

động nhưng đứng ở vị trí thứ 2. *Thể chế chính trị tương đồng* và *văn hóa gần gũi* đứng ở vị trí thứ 3 và 4. Điểm đáng lưu ý là nội dung *đối tác thương mại lớn nhất* và *giải quyết thỏa đáng tranh chấp lãnh thổ, phù hợp lợi ích mỗi nước* xuất hiện ít hơn cho thấy sự nhạy cảm và khó khăn của hai nội dung này. Đề hiểu hơn về 6 nội dung, từ đó có cái nhìn tổng thể, trước tiên cần tiến hành phân tích từng nội dung cụ thể.

### 3.1. Tình hữu nghị truyền thống

Tình hữu nghị truyền thống giữa Việt Nam – Trung Quốc trong các phát biểu của lãnh đạo Trung Quốc được tính từ năm 1949 sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời cho đến nay, và người đặt nền móng là Chủ tịch Hồ Chí Minh của Việt Nam và Chủ tịch Mao Trạch Đông của Trung Quốc.

Trong giai đoạn này, Trung Quốc trợ giúp Việt Nam đánh Pháp và đánh Mỹ. Sau giải phóng thống nhất đất nước, Việt Nam tiếp tục học hỏi và nhận được sự trợ giúp của Trung Quốc trong công cuộc xây dựng đất nước. Bên cạnh đó, nếu tính đến thời điểm hiện tại (2016), trong tất cả các nhà nước đã và đang tồn tại ở Trung Quốc thì nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mới được 67 năm. Một mặt, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là nhà nước có nhiều giúp đỡ và có mối quan hệ tốt với Việt Nam, nhưng mặt khác cũng là nhà nước phát động chiến tranh đánh chiếm Việt Nam nhiều nhất (4 lần: 1974, 1979, 1988, 1995), ngoài ra còn 1 lần hạ đặt giàn khoan trái phép vào vùng biển của Việt Nam tháng 5 năm 2014 và “ba lần phản bội nhân dân Việt Nam: 1. Tại hội nghị Giơ – ne – vơ 1954 họ đã bán rẻ lợi ích dân tộc của nhân dân Việt Nam.....2. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam, khi chế độ Ngô Đình Diệm bị sụp đổ thì họ bật đèn xanh cho Mỹ ném bom miền Bắc Việt Nam.....3. Sau khi nhân dân Việt Nam giải phóng hoàn toàn miền Nam khỏi ách thống trị thực dân mới của đế quốc Mỹ và thống nhất nước nhà, họ đã dùng mọi thủ đoạn kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao để làm suy yếu nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” [3]

<sup>2</sup> <http://www.people.com.cn/GB/50142/104580/index.html>

Theo lý thuyết về nguyên nhân của chiến tranh thì nguyên nhân của chiến tranh gồm nhiều cấp độ khác nhau như “cá nhân, quốc gia và hệ thống quốc tế” [4]. Khó có thể lý giải nguyên nhân chiến tranh ở một cấp độ, tuy nhiên, mục đích của các cuộc chiến tranh do nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa phát động đều xuất phát từ lợi ích và chiến lược quốc gia. Qua đó có thể thấy, tình hữu nghị sẽ chỉ có ý nghĩa và phát huy tác dụng khi không có mâu thuẫn về lợi ích và xếp sau lợi ích và chiến lược quốc gia. Điều này cũng góp phần lý giải được lời nói không đi đôi với việc làm của Trung Quốc.

### 3.2. Núi sông liền một dải

Việt Nam tiếp giáp với Trung Quốc cả trên bộ và trên biển, riêng “biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc dài khoảng 1.406km”<sup>3</sup>. Do tiếp giáp về vị trí địa lý, quan hệ giao lưu giữa hai nước diễn ra trên hầu hết các lĩnh vực. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và Mỹ, Việt Nam rất thuận lợi trong việc nhận trợ giúp từ Trung Quốc. Trung Quốc vừa là nơi hoạt động của các nhà hoạt động cách mạng Việt Nam, vừa là nơi đào tạo cán bộ cho Việt Nam. Sự trợ giúp này đã thiết thực góp phần giúp Việt Nam giành thắng lợi.

Do nằm cạnh một nước Xã hội chủ nghĩa lớn nhất thế giới, nên chế độ Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được củng cố vững chắc hơn. Tuy nhiên, lý thuyết quan hệ quốc tế đã chứng minh “biên giới dài, tuy nhiên, có thể là một điểm bất lợi: Họ phải phòng thủ, một nhiệm vụ thường xuyên rắc rối và tốn kém” [4]. Do tiếp giáp với Trung Quốc, Việt Nam thường xuyên phải hao tổn nhân lực, vật lực để chống lại các cuộc chiến tranh xâm lược do Trung Quốc phát động. Với tư tưởng “dưới bầu trời này, có nơi nào mà không phải là đất của Đại vương. Khắp bốn biển này, có người nào mà không phải là tôi tớ của Đại vương.” [5] và “được tác nào, của Đại vương tác ấy” [6], thời cổ đại hầu hết các triều đại phong kiến Trung Quốc đều phát động

chiến tranh xâm lược Việt Nam. Từ năm 1949, sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời, Trung Quốc cũng đã phát động một số cuộc chiến tranh đánh chiếm Việt Nam như: Đánh chiếm Hoàng Sa năm 1974, Chiến tranh biên giới năm 1979, đánh chiếm 6 nhóm đảo và đá ngầm năm 1988, năm 1995 đánh chiếm đảo Vành Khăn.

Do vị trí chiến lược của Việt Nam, Trung Quốc rất muốn thắt chặt quan hệ với Việt Nam từ đó gây ảnh hưởng thậm chí bành trướng.

Nhìn tổng thể quan hệ Việt Nam – Trung Quốc, khó có thể đánh giá hết lợi và hại do *núi sông liền một dải* mang lại, vì vậy *núi sông liền một dải* trước tiên cần được nhìn nhận là một thực tế khách quan hơn là một lợi thế trong quan hệ Việt Nam – Trung Quốc.

### 3.3. Văn hóa gần gũi

Trong các phát biểu, lãnh đạo Trung Quốc đã sử dụng cụm từ *văn hóa tương thông* (文化相通) chứ không sử dụng cụm từ *văn hóa tương đồng* (文化相同). Theo GS.TSKH Trần Ngọc Thêm thì “mối quan hệ giữa hai nền văn hóa Việt Nam và Trung Hoa cần phải hiểu là mối quan hệ giao lưu, có đi có lại”<sup>4</sup> Các dịch giả của Việt Nam thường dịch là “văn hóa gần gũi” là hợp lý. Các nước có nền văn hóa gần gũi “dễ tạo nên sự hiểu biết lẫn nhau, sự đồng cảm giữa các quốc gia, từ đó là sự ủng hộ quốc tế” [7]. Vì vậy, sự giao tiếp giữa người Việt Nam và người Trung Quốc thường không gặp phải rào cản về văn hóa. Trên trường quốc tế, Việt Nam và Trung Quốc đã tích cực chia sẻ và ủng hộ nhau trong rất nhiều vấn đề.

Cũng theo GS.TSKH Trần Ngọc Thêm, “đã từng có một định kiến, một cách hiểu sai về mối quan hệ giữa văn hóa Việt Nam và Trung Hoa, định kiến đó cho rằng đây là quan hệ một chiều, từ Bắc xuống Nam, rằng văn hóa Việt Nam chỉ là một bản sao của văn hóa Trung

<sup>3</sup><http://www.mofahcm.gov.vn/mofa/nr040807104143/nr040807105001/ns090105140306>

<sup>4</sup><http://baodientu.chinhphu.vn/Doi-song/Doc-lap-van-hoa-hoay-to-quan-trong-de-bao-ve-To-quoc/204044.vgp>

Hoa”<sup>5</sup>, có nghĩa là văn hóa Việt Nam và Trung Quốc có những điểm khác biệt.

“Lịch sử và văn hóa với tư cách là kí ức của một dân tộc, một quốc gia, chủ yếu ảnh hưởng đến nguyên tắc và định hướng giá trị mà một quốc gia tuân theo trong các sự vụ quốc tế. Trong cùng một môi trường quốc tế, các quốc gia có lịch sử và văn hóa khác nhau sẽ có các quyết sách đối ngoại khác nhau.” [8]

Theo thuyết này, quyết sách đối ngoại của Việt Nam và Trung Quốc sẽ khác nhau, đây là một trong những lý do nảy sinh mâu thuẫn giữa Trung Quốc với Việt Nam.

Nho giáo là “thành phần chủ chốt trong văn hóa truyền thống Trung Quốc.” [9] và “muốn hiểu Trung Quốc trong quá khứ, hiện tại và tương lai, không thể không hiểu văn hóa Nho giáo.” [10]

Nho giáo coi trọng đối nhân xử thế, cả đối nội và đối ngoại. Một tư tưởng quan trọng của Nho giáo được xây dựng riêng cho người cầm quyền đó là tư tưởng đối ngoại quy phục các nước khác. “Học thuyết ‘lấy ân đức qui phục người ở xa’ do Khổng Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử chủ trương đến nay xem ra vẫn còn giá trị quan trọng của nó.” [10].

Hiện nay, Trung Quốc đang tăng cường xây dựng sức mạnh mềm văn hóa thông qua các hình thức mở các học viện Khổng Tử, phát hành các ấn phẩm văn hóa... Ở Việt Nam, văn hóa phẩm Trung Quốc rất phổ biến, vì vậy, nguy cơ do gài gữ về mặt địa lý mà Việt Nam chịu ảnh hưởng của sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc là rất cao.

Văn hóa gài gữ chỉ có thể xem là điều kiện cho sự phát triển quan hệ hai nước, chủ thể của văn hóa mới là yếu tố quyết định. Vấn đề nằm ở chỗ, lãnh đạo Trung Quốc sẽ chịu ảnh hưởng thế nào của văn hóa Trung Quốc để từ đó đưa ra quyết sách ngoại giao với Việt Nam sẽ quan trọng hơn sự gài gữ giữa hai nền văn hóa của hai nước, vì thực tế chứng minh, cả Việt Nam và Trung Quốc đều có những người bạn thân

mà không có sự gài gữ về văn hóa, chẳng hạn như Nga hoặc Cu-ba.

### 3.4. Thể chế chính trị tương đồng

Sau khi hệ thống các nước Xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, Trung Quốc trở thành đầu tàu của hệ thống các nước Xã hội chủ nghĩa. Các nước có thể chế chính trị tương đồng có xu thế tương trợ lẫn nhau, “Tư tưởng Mác-Lênin là cơ sở tinh thần quan trọng cho sự hình thành khối các nước XHCN sau năm 1945.... Nhiều nước đi theo tư tưởng này như Việt Nam, CuBa....., đã nhận được sự trợ giúp to lớn từ các nước XHCN.....tư tưởng đã được sử dụng như một công cụ trong quan hệ quốc tế nhằm can thiệp, lôi kéo, mở rộng ảnh hưởng.” [11]. Với sức mạnh về quân sự, kinh tế và quy mô về dân số, lại là thành viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, sự trợ giúp của Trung Quốc đối với các quốc gia theo chế độ Xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa rất quan trọng. Trên thực tế, vì cùng là nước Xã hội chủ nghĩa nên Việt Nam đã nhận được sự trợ giúp to lớn từ Trung Quốc.

Trong bài diễn văn khai mạc Đại hội 12 Đảng Cộng sản Trung Quốc ngày 1 tháng 9 năm 1982, Đặng Tiểu Bình đã tuyên bố: “Công cuộc kiến thiết hiện đại hóa của Trung Quốc phải xuất phát từ thực tế của Trung Quốc. Bất luận là cách mạng hay kiến thiết, đều phải chú trọng học tập kinh nghiệm nước ngoài. Tuy nhiên rập khuôn kinh nghiệm và mô hình của nước khác xưa nay không bao giờ thành công. Về phương diện này chúng ta đã rút ra rất nhiều bài học. Cần kết hợp chân lí chung của chủ nghĩa Mác với thực tiễn cụ thể của Trung Quốc, đi con đường của riêng mình, xây dựng Chủ nghĩa Xã hội mang bản sắc Trung Quốc, là kết luận cơ bản mà chúng ta có được từ tổng kết kinh nghiệm lịch sử lâu đời” [12]. Sau này, Trung Quốc đã xây dựng cho mình một mô hình Xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện cụ thể của Trung Quốc, trong đó đề cao tư tưởng của các lãnh tụ của Trung Quốc như Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình..... Từ đó cho thấy, Chủ nghĩa Xã hội của Trung Quốc và Việt Nam sẽ phải có những điểm khác biệt để phù hợp với

<sup>5</sup> <http://baodientu.chinhphu.vn/Doi-song/Doc-lap-van-hoa-yeu-to-quan-trong-de-bao-ve-To-quoc/204044.vgp>

điều kiện cụ thể của mỗi nước, nếu không sẽ giống như lời Đặng Tiểu Bình nói “rập khuôn kinh nghiệm và mô hình của nước khác xưa nay không bao giờ thành công”.

Không cùng thể chế vẫn có thể có quan hệ tốt, điển hình là quan hệ Việt Nam - Nhật Bản, Việt Nam - Hàn Quốc. Quan hệ Việt Nam và Hoa Kỳ (quốc gia bị Trung Quốc chỉ trích phá hoại các nước Xã hội chủ nghĩa thông qua Diễn biến hòa bình) tuy đến năm 1995 mới bình thường hóa, nhưng sau 20 năm, vào năm 2015, lãnh đạo cao cấp nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam đã sang thăm Hoa Kỳ. Theo Giáo sư Carl Thayer hiện làm việc tại Học viện Quốc phòng Australia, thuộc trường Đại học New South Wales, “việc Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama tiếp Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong Phòng Bầu dục tại Nhà Trắng đã chứng tỏ rằng trên thực tế, Hoa Kỳ công nhận vai trò của Đảng Cộng sản trong nhà nước một đảng ở Việt Nam”<sup>6</sup> nhưng Trung Quốc lại có phản ứng tiêu cực về sự kiện này [13]. Trên thực tế, cả Trung Quốc và Việt Nam đều không chỉ có quan hệ với nhiều nước không phải là nước Xã hội chủ nghĩa như Đức, Pháp, Anh, Hàn Quốc... mà còn nhận được sự trợ giúp hữu ích từ các nước này.

Các nước có cùng thể chế có thể tương trợ lẫn nhau, nhưng cũng có thể không tương trợ nhau. Trên thế giới hiện nay, các nước có cùng thể chế với Việt Nam là rất ít, Việt Nam nhận được sự ủng hộ và trợ giúp phần lớn đến từ các nước không có cùng thể chế. Như vậy, có thể thấy việc dùng thể chế chính trị tương đồng để gắn hai nước lại với nhau có thể sẽ dẫn đến khả năng bó hẹp trong quan hệ ngoại giao, bị cô lập, thậm chí dẫn đến bị lệ thuộc, Bắc Triều Tiên có thể được xem là một ví dụ điển hình.

### 3.5. Đối tác thương mại lớn nhất

*Đối tác thương mại lớn nhất* trong các phát biểu của lãnh đạo Trung Quốc được căn cứ vào kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Trung Quốc, trong đó căn cứ chính là kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc.

Theo *Tuần san Kinh tế Trung Quốc* (<http://www.ceweekly.cn/2014/0526/83595.shtml>), “đến năm 2014, Trung Quốc đã liên tục 10 năm là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Đến nay, Trung Quốc là nước Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất, chiếm 1/3 tổng nhập khẩu của Việt Nam, đồng thời là nước xuất khẩu lớn thứ 4 của Việt Nam.”

Trung Quốc xuất khẩu sang Việt Nam nguyên liệu phục vụ cho sản xuất, máy móc thiết bị, hóa chất và hàng tiêu dùng, từ đó bù đắp sự thiếu hụt và làm phong phú thị trường Việt Nam. Vì vậy, nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc tăng mạnh qua các năm, biến Việt Nam trở thành thị trường tiêu thụ hàng hóa Trung Quốc nhiều nhất. Theo Bộ Công thương (<http://baocongthuong.com.vn/giai-phap-giam-nhap-sieu-tu-trung-quoc-nang-cao-ty-le-noi-dia-hoa.html>), “năm 2015, nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc đạt 32,3 tỷ USD, tăng 12,5% so với năm 2014”.

Để làm được việc này, Trung Quốc đã đầu tư rất mạnh vào cơ sở hạ tầng vùng giáp biên với Việt Nam trong khuôn khổ những sáng kiến như “*hai hành lang, một vành đai kinh tế*”, kết nối cả đường sắt, đường bộ, đường thủy giữa Việt Nam và Trung Quốc. Việt Nam và Trung Quốc có chung đường biên giới dài hơn 1000km, buôn lậu luôn là vấn nạn. Ở Việt Nam, từ thành thị đến nông thôn, từ miền xuôi cho đến miền ngược, hàng hóa Trung Quốc bày bán tràn lan, từ đó khiến cho nhiều doanh nghiệp và người lao động Việt Nam đã gặp khó khăn trong sản xuất và tìm kiếm việc làm trước sự tấn công ngày càng mạnh của hàng hóa Trung Quốc. TS Phạm Sỹ Thành, Giám đốc Chương trình Nghiên cứu Kinh tế Trung Quốc thuộc Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách - Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (VECS) nhận định: “Nếu quy mô thương mại hai chiều giữa hai nước được chia thành 3 phần thì Trung Quốc nhận được hai phần ba, còn Việt Nam một phần ba..... Hậu quả là sản xuất công nghiệp của quốc gia xuất khẩu tài nguyên bị thu hẹp, thậm chí không thể phát triển được do bị gắn chặt vào việc xuất khẩu tài nguyên và các hàng hóa có hàm lượng kỹ thuật

<sup>6</sup> <http://thediplomat.com/2015/07/8-developments-in-us-vietnam-relations-show-emerging-partnership/>

thấp. Về lâu dài, nền kinh tế sẽ mất khả năng cải thiện năng suất do sản xuất công nghiệp bị thu hẹp và thiếu đổi mới, sáng tạo.”<sup>7</sup>

Trong khi đó, đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam không tỷ lệ thuận với xuất nhập khẩu. Tính đến cuối tháng 4 năm 2014, đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam chỉ chiếm 3% tổng số vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Theo TS. Dương Đình Giám, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp, Bộ Công thương, “tỉ lệ các dự án đầu tư vào dầu mỏ và khai khoáng của TQ vào nước ta chiếm tới 70% tổng số các dự án”<sup>8</sup>. Đáng chú ý là các dự án đầu tư của Trung Quốc vào các lĩnh vực sản xuất và khai thác sắt, thép, xi măng, bauxite, nhiệt điện với công nghệ thấp có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến trữ lượng tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường.

Theo thuyết Phụ thuộc (Theory of Dependency), trong quan hệ quốc tế, Việt Nam hiện đang bán sản phẩm thô với giá rẻ cho Trung Quốc và mua từ Trung Quốc hàng hóa thành phẩm với giá cao, vì vậy, lợi nhuận chủ yếu rơi vào tay Trung Quốc. Đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam tuy đem lại sự tăng trưởng nhất định nhưng kèm theo là những hậu quả lớn có thể gia tăng tình trạng kém phát triển như công nghệ lạc hậu, tàn phá môi trường, cạn kiệt tài nguyên và chuyển thặng dư về Trung Quốc.

Việc xuất khẩu tài nguyên và nhập khẩu nhiều hàng hóa thành phẩm, nguyên liệu cho chế tạo, sản xuất sẽ khiến cho Việt Nam ngày càng phụ thuộc vào Trung Quốc và Trung Quốc sẽ luôn là đối tượng được hưởng lợi nhiều nhất.

Như vậy, *đối tác thương mại lớn nhất chính* là sự phản ánh lợi ích kinh tế của Trung Quốc tại Việt Nam và sự phụ thuộc của kinh tế Việt Nam vào Trung Quốc.

### 3.6. Giải quyết thỏa đáng tranh chấp lãnh thổ, phù hợp lợi ích mỗi nước

<sup>7</sup><http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/doanh-nghiep/trung-quoc-cham-mua-nguyen-lieu-tho-it-dau-tu-vao-viet-nam-2988473.html>

<sup>8</sup><http://phapluattp.vn/kinh-te/mat-trai-cua-viec-tq-tang-dau-tu-vao-viet-nam-586864.html>

Đối với tranh chấp biển đảo, Trung Quốc luôn thể hiện hai mặt khác nhau: Một mặt tuyên bố mong muốn giải quyết ôn hòa phù hợp với lợi ích của mỗi nước và không sử dụng vũ lực để uy hiếp; mặt khác lại tuyên bố có chủ quyền không thể tranh cãi, không nhân nhượng, không thỏa hiệp, không đánh đổi và sẵn sàng dùng sức mạnh quân sự. Tính hai mặt này khiến tương lai trở nên khó đoán định. Hiện chưa rõ Trung Quốc sẽ giải quyết thế nào tranh chấp trên Biển Đông một cách ôn hòa, phù hợp với lợi ích hai nước Việt- Trung khi Trung Quốc một mực tuyên bố “Trung Quốc có chủ quyền không thể tranh cãi đối với quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) và Nam Sa (Trường Sa) và vùng lãnh hải phụ cận” [14], tức yêu sách đường Lưỡi Bò và coi đó là lợi ích cốt lõi<sup>9</sup>. The New York Times<sup>10</sup> nhận định “Trong cách nói của Trung Quốc, họ nói “lợi ích cốt lõi” có nghĩa là không có chỗ cho sự thỏa hiệp” (In Chinese parlance, they say, “core interest” means there is no room for compromise), điều này hoàn toàn trùng hợp với tuyên bố của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Trung Quốc Thường Vạn Toàn<sup>11</sup> khi đề cập đến chủ quyền lãnh thổ là “không thỏa hiệp, không nhân nhượng, (và) không đánh đổi” và “quân đội Trung Quốc sẽ nhanh chóng tập hợp, sẵn sàng chiến đấu và giành chiến thắng”. Mỗi người dân Trung Quốc “được các giáo viên và phương tiện truyền thông nhồi nhét vào đầu họ rằng chủ quyền của Bắc Kinh đối với các vùng biển và quần đảo phía Nam là ‘không thể thay đổi’ và ‘không thể tranh cãi’” [15]. Trung Quốc cho biên soạn rất nhiều tài liệu tuyên truyền, thậm chí cho in lên hộ chiếu đường Lưỡi Bò, trong đó công phu nhất phải kể đến cuốn “Ngã quốc Nam Hải chư đảo sử liệu hồi biên” (我国南海诸岛史料汇编) xuất bản vào năm 1988 [16]. Việc Trung Quốc từ chối tham gia phiên tranh tụng tại tòa quốc tế do Philippines

<sup>9</sup>[http://www.nytimes.com/2015/07/03/world/asia/security-law-suggests-a-broadening-of-chinas-core-interests.html?\\_r=0](http://www.nytimes.com/2015/07/03/world/asia/security-law-suggests-a-broadening-of-chinas-core-interests.html?_r=0)

<sup>10</sup>[http://www.nytimes.com/2014/05/09/world/asia/china-and-vietnam.html?\\_r=2](http://www.nytimes.com/2014/05/09/world/asia/china-and-vietnam.html?_r=2)

<sup>11</sup><http://thediplomat.com/2014/07/china-and-strategic-imbalance/2/>

khởi kiện càng khiến cho người ta nghĩ rằng “Trung Quốc đang hành xử không khác gì các cường quốc trỗi dậy đã làm trong lịch sử: Thiết lập mốc giới mới, vẽ ra các biên giới mới trên đất liền, bầu trời, đại dương xung quanh khu vực ngoại vi, cố gắng mở rộng biên giới trên bộ và trên biển, hình thành và sửa đổi các thể chế đồng thời ép buộc các bên khác đi theo quỹ đạo của mình.”<sup>12</sup> Thậm chí, Trung Quốc đang theo đuổi chiến lược trong *Lý thuyết sức mạnh biển* của Alfred Thayer Mahan [17]. Sẽ không lạ khi trường đoàn đàm phán về biên giới lãnh thổ của Trung Quốc Hứa Quang Kiến một mặt tuyên bố “Trung Quốc nhất quán chủ trương giải quyết hòa bình tranh chấp tại quần đảo Nam Sa (Trường Sa), không sử dụng vũ lực hoặc uy hiếp bằng vũ lực, Trung Quốc mong muốn dựa trên những nguyên tắc pháp luật và chế độ được xác lập bởi luật biển quốc tế đã được công nhận, bao gồm luật biển hiện đại và Công ước luật biển Liên Hợp Quốc, thông qua đàm phán song phương, giải quyết thỏa đáng tranh chấp tại quần đảo Nam Sa (Trường Sa)” mặt khác lại tuyên bố “Trung Quốc có chủ quyền không thể tranh cãi đối với quần đảo Nam Sa (Trường Sa) và vùng lãnh hải phụ cận” [18]. Tháng 5 năm 2014, Trung Quốc điều tàu hải cảnh bảo vệ giàn khoan hạ đặt trái phép tại vùng biển của Việt Nam. Gần đây nhất, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình phát biểu tại Singapore rằng “các đảo ở Nam Hải (Biển Đông) từ thời cổ xưa là lãnh thổ của Trung Quốc” (南海诸岛自古以来就是中国领土)<sup>13</sup> ngay sau khi vừa có chuyến thăm hữu nghị đến Việt Nam với trọng tâm tăng cường lòng tin và tình hữu nghị đồng chí, anh em.

Theo lý thuyết quan hệ quốc tế thì “lợi ích, bất kể là của tầng lớp thống trị hay lợi ích quốc gia sau này, đều có thể là nguồn gốc của hành động” [19] và nhìn vào thực tiễn lịch sử khi cơ hội đến, Trung Quốc đã đặt lợi ích chiến lược của mình lên trên tất cả, gạt bỏ các yếu tố trong quan hệ quốc tế để dùng vũ lực đánh chiếm

Việt Nam. Vì vậy, *Giải quyết thỏa đáng tranh chấp lãnh thổ, phù hợp lợi ích mỗi nước* hiện tại chỉ có thể xem là một lời hứa sẽ được thực hiện trong một tương lai không xác định.

## 4. Kết luận

### 4.1. 6 nội dung này muốn nói gì?

Như đã phân tích ở trên, cả 6 nội dung này đều có tính hai mặt, mỗi nội dung lại truyền tải những thông điệp khác nhau. Với tần suất cao nhất, *tình hữu nghị truyền thống* truyền tải thông điệp của các lãnh đạo Trung Quốc tới Việt Nam chỉ về những mặt tốt trong quá khứ hào hùng mà điển hình là sự trợ giúp của Trung Quốc đối với Việt Nam trong đấu tranh giải phóng dân tộc, từ đó mang lại cảm giác hoài niệm và biết ơn. *Núi sông liền một dải* lại mang đến thông điệp về một sự thực không thể thay đổi được nhưng cũng đậm chất văn hóa Việt Nam và Trung Quốc là môi hở răng lạnh, bán anh em xa mua láng giềng gần, nhưng cũng có thể là một lời nhắc nhở về “nước xa không cứu được lửa gần”. *Văn hóa gần gũi* mang lại sự đồng cảm và sẻ chia. *Thế chế chính trị tương đồng* truyền đi thông điệp về sự đoàn kết tương trợ kèm theo lời nhắn nhủ sự tương đồng về ý thức hệ. *Đối tác thương mại lớn nhất* mang đến thông điệp về sự gắn bó về lợi ích. *Giải quyết thỏa đáng tranh chấp lãnh thổ, phù hợp lợi ích mỗi nước* lại gợi lên một viễn cảnh tốt đẹp.

Nhìn tổng thể, 6 nội dung này như muốn truyền đi một thông điệp tổng quát là quan hệ hai nước có điều kiện và nền tảng tốt, cái tốt vẫn là chủ đạo, tồn tại chỉ là phụ và sẽ được giải quyết ổn thỏa trong tương lai, tức là lấy đại cục làm trọng.

### 4.2. Cần nhìn nhận như thế nào về 6 nội dung này?

Nằm ở phía Nam tiếp giáp cả trên đất liền và trên biển với Trung Quốc với đường biên giới lên đến hàng nghìn cây số, Việt Nam có vị trí rất quan trọng đối với Trung Quốc. Việt Nam cung cấp cho Trung Quốc một thị trường

<sup>12</sup> <http://thediplomat.com/2014/07/china-and-strategic-imbalance/>

<sup>13</sup> [http://news.xinhuanet.com/politics/2015-11/07/c\\_1117071632.htm](http://news.xinhuanet.com/politics/2015-11/07/c_1117071632.htm)

tiềm năng, sự ổn định về an ninh ở cửa ngõ phía Nam, chỗ dựa cho thể chế chính trị Chủ nghĩa Xã hội, đồng minh nặng ký trên vũ đài chính trị thế giới. Vì vậy, xuất phát từ lợi ích và chiến lược quốc gia, các nhà lãnh đạo Trung Quốc thường tuyên bố hết sức coi trọng quan hệ với Việt Nam, mong muốn được tăng cường quan hệ với Việt Nam. Sau khi bình thường hóa quan hệ vào năm 1991, quan hệ hai nước đã có những phát triển vượt bậc và đã đạt được những thành tựu to lớn, trở thành đối tác chiến lược toàn diện vào năm 2008. Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam (<http://customs.gov.vn>), kim ngạch thương mại hai chiều năm 2015 lên đến 66,67 tỷ USD. Theo thống kê của Chính phủ Việt Nam (<http://baohinhphu.vn/Quoc-te/Thuc-day-quan-he-doi-tac-hop-tac-chien-luoc-toan-dien-Viet-Trung/100314.vgp>), “hàng năm hai bên trao đổi trên 100 đoàn ở cấp lãnh đạo các bộ, ngành và địa phương, đoàn thể quần chúng, góp phần tăng cường hiểu biết, tin cậy lẫn nhau và mở rộng hợp tác giữa hai nước. Các cuộc gặp gỡ giữa Lãnh đạo cấp cao hai nước được duy trì đều đặn hàng năm”. Xét về lý, quan hệ ngoại giao giữa hai nước phải tốt đẹp hơn quan hệ ngoại giao với bất kỳ nước nào khác. Nhưng trên thực tế, quan hệ hai nước lại được chuyên gia ngoại giao Trung Quốc nhận xét trên Hoàn Cầu Thời báo (<http://mil.huanqiu.com/paper/2013-10/4442773.html>) là “hai nước Việt-Trung không tin tưởng nhau, từng xảy ra chiến tranh.”

Trước khi có những nhìn nhận về 6 nội dung trên, rất cần làm rõ một số câu hỏi như sau: Trung Quốc đang làm gì? Trung Quốc hiện đang thực hiện chiến lược của một cường quốc trỗi dậy để trở thành cường quốc thế giới, đó là công cuộc phục hưng hay còn gọi là Giác mơ Trung Hoa, một giấc mơ nhận được những ý kiến trái chiều [20]. Trung Quốc có trỗi dậy một cách hòa bình hay không? Không một ai có câu trả lời chắc chắn, nhưng một câu trả lời quan trọng sẽ nằm ở chỗ Trung Quốc có giải quyết tranh chấp lãnh thổ với các nước láng giềng theo luật pháp quốc tế hay không. Khi Trung Quốc thực hiện thành công công cuộc phục hưng, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc sẽ

ra sao? Không ai có thể đưa ra câu trả lời chuẩn xác, nhưng từ góc độ thực tiễn lịch sử, khi Trung Quốc trở thành cường quốc mạnh nhất khu vực, Việt Nam phải chấp nhận lệ thuộc vào Trung Quốc, như lời Giáo sư Mohan Malik, chuyên gia về an ninh Châu Á tại Trung tâm Nghiên cứu An ninh Châu Á – Thái Bình Dương: “Trong lịch sử, Trung Quốc chưa từng chấp nhận chung sống bình đẳng với cường quốc khác có sức mạnh tương đương và yếu hơn. Trong quá khứ, một Trung Quốc thịnh vượng và hùng mạnh đòi hỏi các nước khác phải kính nể và chấp nhận dưới cơ.” (Historically, there has never been a time when China has coexisted on equal terms with another power of similar or lesser stature. As in the past, a rich and powerful China demands obeisance and deference from other countries.)<sup>14</sup>. Trung Quốc nhận định thế nào về ảnh hưởng của Việt Nam đến Trung Quốc? Nhân Dân Nhật báo – cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nhận định: Việt Nam “giúp Hoa Kỳ giành thắng lợi trong chiến lược kiềm chế Trung Quốc” [13] và “các quốc gia gần gũi với Việt Nam vừa có thể hợp tác tốt với ASEAN, vừa có thể kiềm chế Trung Quốc – quốc gia nằm ở phía Bắc Việt Nam. Về vấn đề biển Đông, Việt Nam chiếm hữu đảo và bãi đá ngầm nhiều nhất, tranh chấp với Trung Quốc nhiều nhất, trong lịch sử, hai nước Việt-Trung không tin tưởng nhau, từng xảy ra chiến tranh. Các quốc gia phương Tây muốn kiềm chế Trung Quốc, Việt Nam là con bài hiệu quả nhất.”<sup>15</sup> và nếu Việt Nam làm như vậy thì “Việt Nam có thể sẽ phải gánh chịu hậu quả nặng nề nhất”<sup>16</sup>.

6 nội dung này là sự kết hợp những gì tốt đẹp của cả quá khứ, hiện tại và tương lai; tuy nhiên, nó lại mâu thuẫn với Giác mơ Trung Hoa và nhận định của Trung Quốc về ảnh hưởng của Việt Nam đến Trung Quốc. Một mặt, Trung Quốc muốn quan hệ tốt với Việt Nam như 6 nội dung đã đề cập để ổn định biên giới phía Nam,

<sup>14</sup> <http://thediplomat.com/2014/07/china-and-strategic-imbalance/2/>

<sup>15</sup> <http://mil.huanqiu.com/paper/2013-10/4442773.html>

<sup>16</sup> <http://en.people.cn/n/2015/0708/c90780-8917095.html>



tìm kiếm chỗ dựa cho thể chế chính trị và lợi ích kinh tế. Mặt khác, để trở thành cường quốc thế giới, hoàn thành giấc mơ Trung Hoa, Trung Quốc có ý đồ xâm chiếm lãnh thổ, đặc biệt là những nơi giàu tài nguyên và có vị trí chiến lược của Việt Nam và không muốn Việt Nam tăng cường quan hệ với Hoa Kỳ - quốc gia được đánh giá là có khả năng kiềm chế tham vọng của Trung Quốc [13]. Là một quốc gia có đặc trưng văn hóa thực dụng [21], “dễ bành trướng nhất thiên hạ” [22], có chủ nghĩa dân tộc rất cao không cho phép giải thích, một quá khứ lịch sử hào hùng bá chủ khu vực và “luôn luôn có xu hướng hi sinh các mục tiêu đối ngoại dài hạn vì những thành công chính trị [đối nội] trước mắt” [23] thì sẽ không có gì đảm bảo chắc chắn là quan hệ Việt Nam – Trung Quốc sẽ phát triển tốt đẹp và bình đẳng. Mâu thuẫn này cũng có thể được xem là nguyên nhân dẫn đến lời nói và hành động của Trung Quốc thường không nhất quán. Ví dụ điển hình như mặc dù Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình nói tại Quốc hội Việt Nam ngày 6/11/2015: “Nghìn vàng chỉ để mua lảng giềng.....vừa là đồng chí vừa là anh em”<sup>17</sup>, tuy nhiên, ngay khi đặt chân đến Singapore, ông lại tuyên bố “các đảo ở Nam Hải (Biển Đông) từ thời cổ xưa là lãnh thổ của Trung Quốc”, tăng cường bồi đắp đảo nhân tạo trái phép và đưa vũ khí ra Biển Đông, khiến cho quan hệ Việt Nam – Trung Quốc căng thẳng.

Tương lai quan hệ Việt Nam – Trung Quốc khó có thể đoán định. Cả sáu nội dung trong bài phát biểu của các lãnh đạo Trung Quốc đều xuất phát từ lợi ích của Trung Quốc. Chúng đều có tính hai mặt là tích cực và tiêu cực, chủ quan và khách quan, biểu dương và nhắc nhở, có yếu tố cố định như vị trí địa lý, văn hóa, lại vừa có yếu tố không cố định như đối tác thương mại, giải quyết tranh chấp lãnh thổ. Vì vậy, Việt Nam cần xác định rõ ranh giới giữa hai mặt cũng như tính cố định và không cố định của 6 yếu tố để vừa tận dụng được cơ hội phát triển đất nước lại vừa tránh được xung đột và bất ngờ

trước sự bất nhất trong lời nói và hành động của Trung Quốc, đặc biệt là loại bỏ được nguy cơ lệ thuộc vào Trung Quốc.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Nhân Dân Nhật báo (bản in), 2005-2014.
- [2] Ngô Sỹ Liên, Đại Việt sử ký toàn thư, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 2009.
- [3] Sự thật về quan hệ Việt Nam – Trung Quốc trong 30 năm qua, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1979
- [4] Karen A. Mingst, Ivan M. Arreguín-Toft, Essentials of International relations (6<sup>th</sup> Edition), Nxb W.W. Norton & Company, New York, 2014.
- [5] Trình Tuấn Anh soạn, Thi Kinh, Nxb Cổ tịch Thượng Hải, Thượng Hải, 2006.
- [6] Vương Thủ Khiêm chú dịch, Chiến Quốc Sách, Nxb Quý Châu, Quý Châu, 1996.
- [7] Hoàng Khắc Nam, Quyền lực trong quan hệ quốc tế, lịch sử và vấn đề, Nxb Văn hóa thông tin, 2011
- [8] Hình Duyệt, Nhập môn quan hệ quốc tế, Nxb Đại học Bắc Kinh, Bắc Kinh, 2011.
- [9] Đường Khải Lân, Tào Cương, Nhìn lại truyền thống – đánh giá giá trị hiện đại của tư tưởng Nho Giáo, Nxb Đại học Sư phạm Hoa Đông, Thượng Hải, 2000.
- [10] Khổng Khánh Minh, Trần Tú Bình, Văn hóa Nho Giáo Trung Quốc, Nxb Trường Xuân, Trường Xuân, 2010
- [11] Hoàng Khắc Nam, Một số vấn đề lý luận quan hệ quốc tế dưới góc nhìn lịch sử, Nxb Chính trị quốc gia, 2014.
- [12] Đặng Tiểu Bình tuyển tập (tập 3), Nxb Nhân dân (Trung Quốc), Bắc Kinh, 1993.
- [13] Nguyễn Ngọc Anh, Về nhận định của Nhân Dân Nhật báo và Hoàn Cầu Thời báo đối với chuyển thăm Hoa Kỳ của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài 31(2015)18.
- [14] Nhân Dân Nhật báo bản giấy tiếng Trung 05/01/2007 trang 4, 09/5/2009 trang 4, 07/8/2010 trang 3, 23/03/2014 trang 21, 07/5/2014 trang 4.
- [15] Bill Hayton, The South China Sea: The Struggle for Power in Asia, First Edition, Yale University Press, 2014.
- [16] Hàn Chấn Hoa, Ngã quốc Nam Hải chư đảo sử liệu hồi biên, Nxb Đông Phương, Bắc Kinh, 1988
- [17] Alfred Thayer Mahan, Ảnh hưởng của sức mạnh biển đối với lịch sử, Nxb Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc, Bắc Kinh, 2006.

<sup>17</sup> <http://politics.people.com.cn/n/2015/1106/c1001-27787119.html>

- [18] Nhân Dân Nhật báo bản giấy tiếng Trung ngày 16 tháng 11 năm 1995, trang 6.
- [19] Robert Jackson, Georg Sorensen, Introduction to International Relations: Theories and Approaches (5<sup>th</sup> Edition) , Oxford University Press, 2013
- [20] Nguyễn Ngọc Anh, Cảm nhận về “Giấc mơ Trung Hoa” trong một cuốn sách, Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài 29(2014)63.
- [21] Lí Trung Hoa, Khái luận văn hóa Trung Quốc, Nxb Hoa văn, Bắc Kinh, 1994.
- [22] Bá Dương, Người Trung Quốc Xấu Xí, Nxb Văn nghệ Hồ Nam, Trường Sa (Trung Quốc), 1986
- [23] Susan L. Shirk, China: The fragile Superpower, Oxford University Press, 2007.

## On Six Phrases Often Mentioned in the Chinese Leaders’ Remarks about Vietnam - China Relationship

Nguyen Ngoc Anh

*Center of Linguistics and International Studies, VNU University of Languages and International Studies,  
Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** Statistical method was used to find out six phrases which often appeared in Chinese leaders’ remarks about Vietnam – China relationship. Through historical facts and international relations theories, the article first analyzed the implications of these six phrases, and then expressed my opinions on them.

*Keywords:* Vietnam, China, relationship, People's Daily.